

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2008 - 2013 VÀ HIỆU QUẢ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2013 TẠI HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Nguyễn Bá Long¹, Đoàn Văn Điềm^{2*}, Nguyễn Ích Tân³

¹*Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Lâm nghiệp*

²*Khoa Môi trường, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

³*Khoa Nông học, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

Email*: doanvandiem@yahoo.com

Ngày gửi bài: 16.07.2014

Ngày chấp nhận: 20.09.2014

TÓM TẮT

Tiên Lãng nằm ở ven biển phía nam thành phố Hải Phòng, là huyện thuần nông với cây trồng chính là lúa, chiếm tới 68,92% diện tích đất nông nghiệp. Tuy nhiên, trong những năm vừa qua diện tích đất lúa có xu hướng giảm nhanh, chính quyền và người dân địa phương đã tích cực chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp để thích ứng với biến đổi khí hậu. Tiến hành phỏng vấn 300 hộ gia đình đại diện cho toàn huyện với các kiểu sử dụng đất khác nhau, kết quả nghiên cứu cho thấy, các loại cây trồng, vật nuôi cho hiệu quả kinh tế cao (thuốc lá, khoai tây, hành, cà chua, dưa hấu, ớt và nuôi trồng thủy sản), thích ứng với biến đổi khí hậu. Tuy còn chiếm tỷ trọng thấp (23,31%) trong cơ cấu cây trồng nhưng đã trở thành những vùng sản xuất tập trung. Đây là những cây trồng, vật nuôi có tiềm năng và triển vọng cho giá trị gia tăng cao; giá trị sản xuất đạt từ 150 - 1.296 triệu đồng/ha. Trong thời gian tới, huyện cần kiểm soát chặt chẽ biến động đất lúa, ưu tiên mở rộng diện tích các loại cây trồng như lúa M6, khoai tây, thuốc lá và nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả kinh tế, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Từ khóa: Biến đổi khí hậu, chuyển dịch, hiệu quả, sử dụng đất, thích ứng.

Shifting Agricultural Structure in 2008-2013 Period and Land Use Efficiency in 2013 in Tien Lang District, Hai Phong City

ABSTRACT

Tien Lang is located in the south Hai Phong city and situated in the southern coastal area. It is a purely agricultural district with 68.92% of land grown with rice. During the last years the rice growing area decreased significantly. The government authority and communities gave priority to shifting agricultural structure to adapt to climate change. An interview was carried out on 300 representative households in the district representing different types of land use. The study revealed that crops and livestock of higher economic efficiency (pipe tobacco, potato, onion, tomato, melon, pepper and aquaculture) are well adapted to climatic change. Although the area under these crops is of low proportion (23.31%) in the cropping structure but it has become concentrated. These plants and aquaculture have high potential and prospects for high added value and production value could reach from VND 150 to 1,296 million/ha. In future, the district needs tight control of rice land changes, giving priority to expanding the area of economic crops such as rice cv. M6, potato, pipe tobacco and aquaculture to enhance the economic efficiency in response to climate changes.

Keywords: Adapting to climatic change, economic efficiency, land use, shifting agricultural structure.

1. MỞ ĐẦU

Tiên Lãng là huyện ven biển ở phía nam, cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 25-30km. Đây là huyện thuần nông, cây trồng chính là lúa nhưng đang phải chịu sự tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) gây ra sự nhiễm mặn đất đai và bị bão lụt tàn phá. Xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sang các loại cây, con khác thích ứng với BĐKH, vừa có giá trị hàng hóa cao hơn như rau màu, thủy sản (khoai tây, cà chua, hành, tỏi, dưa hấu, thuốc lá, cá, tôm) ngày càng phổ biến. Do đó, diện tích đất lúa có xu hướng giảm dần, chuyển mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp, phục vụ xây dựng nông thôn mới (UBND huyện Tiên Lãng, 2011).

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, suy giảm diện tích đất lúa nước và xu hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, việc tìm kiếm các loại hình sử dụng đất hiệu quả, đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng với BĐKH là rất cần thiết (Bộ NN&PTNT, 2011, 2012). Trong bài báo này phản ánh kết quả chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2008 - 2013 và đánh giá hiệu quả sử dụng đất năm 2013 để làm cơ sở đề xuất cơ cấu cây trồng, vật nuôi và kiểm soát biến động sử dụng đất nông nghiệp tại địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Phương pháp điều tra thu thập số liệu thứ cấp: Thu thập các tài liệu đã công bố về đất đai, biến động sử dụng đất nông nghiệp giai đoạn 2000 - 2013 và các tài liệu về tự nhiên, kinh tế-xã hội của địa phương.

- Điều tra phỏng vấn hộ: Tiến hành phỏng vấn 300 hộ gia đình có các kiểu sử dụng đất đại diện trong toàn huyện, trên các loại chân đất

khác nhau. Các xã được chọn phân bố đều trên các tiểu vùng sinh thái ven biển, vùng giữa và vùng nội đồng, bao gồm 6 xã Vinh Quang, Đông Hưng, Kiến Thiết, Khởi Nghĩa, Quyết Tiến, Tự Cường. Mỗi xã điều tra 50 hộ thuần nông được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên. Thời điểm điều tra vào tháng 1/2014 khi đã kết thúc vụ đông 2013. Các chỉ tiêu điều tra phỏng vấn là diện tích, năng suất, sản lượng và tình hình đầu tư sản xuất nông nghiệp, từ đó tính toán hiệu quả kinh tế.

- Đánh giá hiệu quả kinh tế theo các chỉ tiêu như sau:

Go: Tổng giá trị sản xuất (tổng thu nhập);

IC: Chi phí trung gian;

MI: Thu nhập hỗn hợp;

NI: lãi (thu nhập hỗn hợp sau khi đã trừ chi phí lao động);

GTNC: Giá trị ngày công;

HSĐV (Hiệu suất đồng vốn) = (NI+IC)/IC.

Ở bảng 1, các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế được phân thành 3 cấp: cao, trung bình, thấp. Căn cứ để phân cấp các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế của huyện là chỉ tiêu đánh giá của địa phương có tham khảo mức đánh giá trung bình của toàn tỉnh (UBND huyện Tiên Lãng - 2013), cụ thể như sau:

Tiêu chí lựa chọn đề xuất các loại hình sử dụng đất: (1) có hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường cao và thích ứng với biến đổi khí hậu; (2) có khả năng tạo thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô tối thiểu 10 ha/vùng/cây trồng và có đầu ra ổn định; (3) kiểm soát được biến động đất nông nghiệp, trong đó có đất lúa và cây lâu năm, ngăn chặn tình trạng chuyển mục đích trái phép đất nông nghiệp xen kẽ trong các khu dân cư sang đất ở như nghị quyết UBND huyện năm 2011.

Bảng 1. Phân cấp mức độ đánh giá hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất

STT	Mức	Ký hiệu	GO (10 ⁶ đ)	IC (10 ⁶ đ)	MI (10 ⁶ đ)	NI (10 ⁶ đ)	GTNC (1.000 đ)	HSĐV (lần)
1	Cao	C	> 100	> 50	> 50	> 50	> 100	> 2,0
2	Trung bình	TB	50-100	30-50	30-50	25-50	70-100	1,5-2,0
3	Thấp	T	< 50	< 30	< 30	< 25	< 70	< 1,5

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tình hình biến động đất nông nghiệp huyện Tiên Lãng giai đoạn 2000-2013

Năm 2013, diện tích đất nông nghiệp của huyện đạt 12.927,99ha chiếm 66,86% diện tích đất tự nhiên. Cơ cấu các loại đất nông nghiệp năm 2013 thể hiện qua bảng 1 cho thấy, đất sản xuất nông nghiệp chiếm tới 73,52% tổng diện tích đất nông nghiệp 9.504,87ha, trong đó đất chuyên trồng lúa nước chiếm phần lớn là 8.909,23ha, sau đó là đất nuôi trồng thủy sản 2.454,82ha (18,99%), đất có rừng trồng phòng hộ 913,05ha, (7,06%) (UBND huyện Tiên Lãng, 2013).

Tình hình biến động đất nông nghiệp giai đoạn 2000-2013 như sau:

Đất chuyên lúa liên tục giảm do năng suất không ổn định, đất bị nhiễm phèn mặn: giai đoạn 2005-2000 đất lúa giảm trung bình mỗi năm 30,40ha; giai đoạn 2005-2010 đất lúa giảm trung bình mỗi năm 45,92 ha; giai đoạn 2010-2013 đất lúa tiếp tục giảm trung bình mỗi năm 42,81ha; Để thích ứng với BĐKH, chính quyền và người dân trong huyện đã chuyển đổi đất lúa

sang nuôi trồng thủy sản và trồng cây màu nhằm tăng hiệu quả kinh tế đối với sản xuất nông nghiệp. Riêng vùng đất ngập triều của sông và ven biển đã chuyển thành đất rừng phòng hộ, chắn sóng, chắn gió (Nguyễn Bá Long và cs., 2013).

Đất nuôi trồng thủy sản liên tục tăng từ 2000-2013 do chuyển từ đất lúa ở vùng trũng và một số loại đất kém hiệu quả khác như đất mặn nước chuyên dùng, đất bằng chưa sử dụng. Giai đoạn 2005-2000 tăng trung bình mỗi năm 95,92ha; giai đoạn 2005-2010 tăng trung bình mỗi năm 130,76ha; giai đoạn 2010-2013 tiếp tục tăng trung bình mỗi năm 15,49ha. Đất trồng cây lâu năm giai đoạn 2000-2013 cũng giảm đi khá nhiều với 647,58ha (trung bình mỗi năm giảm 53,97ha), trong đó giai đoạn 2005-2010 giảm 557,51ha (chiếm 86,09% so với tổng diện tích bị giảm). Nguyên nhân giảm diện tích đất trồng cây lâu năm chủ yếu do loại đất này nằm xen trong khu dân cư cùng với công tác quản lý lỏng lẻo nên người dân tự ý chuyển sang đất ở nông thôn (chiếm 94,45%); đất công cộng và đất hàng năm khác (UBND huyện Tiên Lãng, 2013).

Bảng 3. Diện tích, năng suất một số loại cây trồng giai đoạn 2008-2013

Cây trồng	Năm 2008			Năm 2010			Năm 2013		
	D.tích (ha)	Cơ cấu (%)	N.suất (tạ/ha)	D.tích (ha)	Cơ cấu (%)	N.suất (tạ/ha)	D.tích (ha)	Cơ cấu (%)	N.suất (tạ/ha)
Lúa xuân	7.020	36,5	60,2±6,5	6803	34,8	58,7±7,7	6.840	35,1	60,5±9,7
Lúa mùa	8.070	42,0	46,8±4,5	8110	41,5	53,3±3,7	8.100	41,6	51,3±3,9
Tổng lúa	15.090	78,5	61,2	14.913	76,3	61,24	14.940	76,7	62,7
Thuốc láo	1.212	6,3	16,2	1.362	7,0	15,9	1.241	6,4	16,00
Khoai tây	523,7	2,7	180	577,8	3,0	180	730,1	3,7	185
Hành	377,9	2,0	197,7	411,8	2,1	196,7	636,8	3,3	208
Ngô	439,5	2,3	45,5	821,4	4,2	50	351,1	1,8	48,5
Cà chua	273,7	1,4	243,7	339,4	1,7	229,5	446,9	2,3	265,1
Khoai lang	418,3	2,2	94,4	376	1,9	110,8	340	1,7	109,9
Dưa hấu	284,8	1,5	250,9	332,5	1,7	255,2	340	1,7	276,4
Ớt	181,8	0,9	174,5	135,5	0,7	177,7	222,1	1,1	188,2
Cải bắp	82,5	0,4	275	98,9	0,5	287	107	0,5	290
Tỏi	195	1,0	130	131	0,7	208	87,1	0,4	210
Lạc	35	0,2	30,0	35	0,2	30,0	35	0,2	32
Đậu tương	97,9	0,5	23,0	6,5	0,0	23,2	4,1	0,0	25,1

Nguồn: Niên giám thống kê huyện Tiên Lãng, 2008, 2010, 2013).

Kết quả chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2008 - 2013 và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp năm 2013 tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng

Bảng 2. Tình hình biến động đất nông nghiệp huyện Tiên Lãng giai đoạn 2000 - 2013 (ha)

Thứ tự	Mục đích sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)				So sánh: tăng (+) giảm (-)		
			2000	2005	2010	2013	2005/2000	2010/2005	2013/2010
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(5-4)	(9)=(6-5)	(10)=(7-6)
1	Đất nông nghiệp	NNP	12777,42	13121,07	13.012,35	12.927,99	345,65	-108,72	-84,36
1.1	Đất sản xuất NN	SXN	10607,43	10382,18	9635,38	9504,87	-225,25	-746,80	-130,51
1.1.1	Đất cây hàng năm	CHN	9591,02	9409,04	9.219,75	9.136,04	-181,98	-189,29	-83,71
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	9376,48	9224,47	8994,85	8909,23	-152,01	-229,62	-85,62
1.1.1.2	Đất cỏ chăn nuôi	COC							
1.1.1.3	Đất cây hàng năm khác	HNK	214,54	184,57	224,90	226,81	-29,97	40,33	1,91
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	1016,41	973,14	415,63	368,83	-43,27	-557,51	-46,80
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	879,05	956,16	913,05	913,05	77,11	-43,11	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX							
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	-	956,16	913,05	913,05	956,16	-43,11	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD							
1.3	Đất NTTS	NTS	1290,94	1770,06	2423,84	2454,82	479,12	653,78	30,98
1.4	Đất làm muối	LMU							
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	12,67	40,08	55,25	12,67	27,41	15,17

Nguồn: UBND huyện Tiên Lãng, 2013

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất nông nghiệp huyện Tiên Lãng năm 2013

TT	Kiểu sử dụng đất	Đơn vị tính (1.000đ)										HSDV (lần)	ĐG
		GO	ĐG	IC	ĐG	MI	ĐG	NI	ĐG	GTNC	ĐG		
1	Lúa xuân - Lúa mùa	54.210	TB	31.037	TB	23.173	T	22.673	T	84	TB	1,73	TB
2	Lúa (M6) - Lúa nếp cái hoa vàng	87.150	TB	34.345	TB	52.804	C	51.304	C	186	C	2,49	C
3	Lúa xuân (M6) - Lúa mùa - Ngô	89.966	TB	51.024	C	38.942	TB	38.142	TB	58,78	T	1,77	TB
4	Lúa xuân (M6) - Lúa mùa - Khoai tây	131.716	C	75.585	C	56.131	C	56.011	C	87	TB	1,74	TB
5	Lúa xuân - Lúa mùa (KDĐB) - Cải Bắp	131.560	C	76.895	C	54.665	C	53.865	C	63,44	T	1,71	TB
6	Lúa xuân (M6) - Lúa mùa - Cà chua	165.960	C	99.874	C	66.086	C	64.886	C	77,5	TB	1,65	TB
7	Thuốc Lào - Lúa Mùa (M6)	179.895	C	77.457	C	102.438	C	100.938	C	102,13	C	2,3	C
8	Thuốc Lào - Lúa mùa - Hành	302.395	C	151.339	C	151.057	C	149.057	C	90,36	TB	2,0	C
9	Thuốc Lào - Lúa mùa - Cà chua	291.645	C	146.294	C	145.351	C	143.551	C	99	TB	1,98	TB
10	Cà chua - Lúa mùa - Cà chua	250.605	C	162.666	C	87.939	C	86.139	C	77,19	TB	1,53	TB
11	Cà chua - Lúa mùa - Hành	261.355	C	162.974	C	98.381,5	C	96.381,5	C	73,27	TB	1,59	TB
12	Cà chua - Lạc - Cà Chua	271.725	C	167.035	C	104.690	C	103.190	C	81	TB	1,62	TB
13	Dưa chuột - Lúa mùa - Khoai tây	203.508	C	107.903,5	C	95.604,5	C	94.104,5	C	107,36	C	1,87	TB
14	Khoai tây - Lúa mùa - Cà chua	226.362	C	128.904	C	97.458	C	95.958	C	105	C	1,74	TB
15	Khoai tây - Dưa hấu - Dưa hấu	287.523	C	152.787	C	134.736	C	116.736	C	107	C	1,76	TB
16	Dưa hấu - Dưa hấu - Dưa hấu	300.024	C	150.615	C	149.409	C	147.409	C	117	C	1,98	TB
17	Rau xanh - rau xanh - rau xanh	227.700	C	124.061	C	103.639	C	102.139	C	85	TB	1,82	TB
18	Chuyên tôm sú (nước lợ)	1.296.890	C	676.280	C	620.610	C	618.610	C	125	C	1,92	TB
19	Tôm sú - cá vược (nước mặn)	1.055.350	C	494.230	C	561.120	C	559.328	C	112	C	2,13	C

Nguồn: Kết quả điều tra nông hộ huyện Tiên Lãng (2013)

Ghi chú: GO: Tổng giá trị sản xuất (hay tổng thu nhập); IC: Chi phí trung gian; MI: Thu nhập hỗn hợp; NI: Lãi thuần; GTNC: Giá trị ngày công; và $HSDV=(NI+IC)/IC$: Hiệu suất đồng vốn; ĐG: Đánh giá; C: cao; TB: trung bình; T: thấp.

Từ năm 2005 - 2010, toàn huyện đã chuyển mục sử dụng đất để xây dựng trang trại chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng nấm. Đến năm 2013, toàn huyện có 568 trang trại, trong đó 67 trang trại chăn nuôi, thủy sản (UBND huyện Tiên Lãng 2011 & 2013).

3.2. Đặc điểm hệ thống cây trồng, vật nuôi

Huyện có 19 kiểu sử dụng đất chủ yếu, thuộc 3 hệ thống cây trồng chủ yếu bao gồm: (1) Hệ thống cây lúa nước; (2) Hệ thống cây rau màu; (3) Nuôi trồng thủy sản.

3.2.1. Hệ thống cây lúa nước

Diện tích cây trồng chiếm ưu thế vẫn là cây lúa, với 14.940 ha/2 vụ/năm, chiếm tới 76,69% so với tổng diện tích gieo trồng, duy trì năng suất lúa giai đoạn 2008-2013 ổn định ở mức 61,49 tạ/ha, tương ứng với sản lượng đạt 92.048 tấn/năm, giảm không đáng kể (0,33%) so với năm 2000. Trong bối cảnh BĐKH, đất trồng lúa có xu thế bị nhiễm phèn, mặn, để duy trì ổn định năng suất, phòng NN&PTNT huyện đã khuyến khích người dân sử dụng một số giống lúa chịu mặn như Giống lúa M6 và Khang Dân đột biến. Giống M6 là giống lúa chịu mặn, được Viện Cây lương thực & Cây thực phẩm chọn tạo từ tổ hợp lai Bầu Hải Phòng và giống 1548, được công nhận giống chính thức tháng 12/2005. Thời gian sinh trưởng 125 - 130 ngày trong vụ mùa và 170 - 180 ngày trong vụ xuân, dạng hình thấp cây, lá đứng, ngắn, màu xanh nhạt, bông to, khối lượng 1.000 hạt 25 - 26 gam, khả năng chống chịu phèn mặn khá, ít nhiễm sâu bệnh hại, chịu rét khá. Giống lúa M6 thích hợp cho cả 2 vụ gieo trồng ở các tỉnh ven biển (Hải Phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, Thanh Hoá...). Năng suất trung bình tại các vùng nhiễm mặn đạt 50 - 55 tạ/ha;

Giống lúa Khang Dân đột biến (KDĐB) cũng là giống được viện Cây lương thực & Cây thực phẩm tạo ra bằng phương pháp xử lý đột biến, chịu thâm canh, có tiềm năng năng suất cao, thời gian sinh trưởng trong vụ mùa khoảng 110 ngày, vụ xuân 130 - 135 ngày, bông to, nhiều hạt hơn giống khang dân 18, năng suất trung bình 65 - 75 tạ/ha.

3.2.2. Hệ thống cây rau màu

Cây thuốc lá cũng là cây trồng đặc trưng có thế mạnh ở huyện Tiên Lãng. Diện tích gieo trồng chiếm 6,37% tổng diện tích gieo trồng, phân bố tập trung ở xã Kiến Thiết, Vinh Quang, Đông Hưng. Thuốc lá là loại cây trồng thích hợp với loại đất chua, mặn nên thích ứng được với BĐKH. Diện tích thuốc lá trung bình giai đoạn 2008-2013 ở mức 1.288ha, tăng so với năm 2000 là 412ha, với mức diện tích tích này thì thị trường tiêu thụ đảm bảo ổn định, nếu xu hướng chuyển dịch tiếp từ lúa và các cây trồng khác sang thuốc lá thì chỉ nên dao động ở mức 1.500ha là hợp lí.

Các loại cây rau màu như khoai tây, hành, cà chua, khoai lang, dưa hấu chiếm 1,75-3,75% so với tổng diện tích gieo trồng đối với từng loại cây trồng.

Các loại rau màu vừa có giá trị kinh tế cao lại vừa có thời gian sinh trưởng ngắn nên có thể bố trí mùa vụ né tránh được các đợt bão lụt, dễ dàng điều tiết tưới tiêu hợp lý để hạn chế ảnh hưởng của sự nhiễm mặn do BĐKH. Trong đó, khoai tây là sản phẩm có thị trường ổn định hơn do có các hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các doanh nghiệp đứng ra thu mua. Nhóm cây có tỷ lệ diện tích thấp như đậu tương, lạc, tỏi, cải bắp, ớt chỉ chiếm từ 0,02-0,55% trên mỗi loại cây trồng, nhưng cũng là những loại cây trồng có hiệu quả kinh tế cao và tiềm năng có thể tăng diện tích gieo trồng.

3.2.3. Hệ thống nuôi trồng thủy sản

Một số vùng đất thấp trũng trồng lúa nước bị nhiễm phèn mặn đã được chuyển sang nuôi trồng thủy sản. Thế mạnh của huyện là có thể nuôi trồng được cả thủy sản nước lợ và thủy sản nước mặn. Loại hình thủy sản nước lợ phổ biến là nuôi tôm, cá và cua đồng. Đây là mô hình đã được nhiều hộ nông dân tiến hành nhiều năm nay cho hiệu quả kinh tế cao. Loại hình NTTS nước mặn cải tiến áp dụng đối với các loại ao nuôi bị nhiễm mặn nhiều, đối tượng thủy sản thích hợp là cá vược, ngao hoặc nuôi xen với tôm sú.

3.3. Đánh giá hiệu quả các loại hình sử dụng đất nông nghiệp

Để thuận lợi cho việc đánh giá và lựa chọn các loại hình sử dụng đất nông nghiệp có hiệu quả kinh tế cao, thích ứng với điều kiện tự nhiên đang bị biến đổi, chúng tôi tiến hành điều tra, đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế, xã hội chính bao gồm: Tổng giá trị sản xuất hay tổng thu nhập (GO); Chi phí trung gian (IC); Thu nhập hỗn hợp (MI); Lãi thuần (NI); Giá trị ngày công (GTNC) và Hiệu suất đồng vốn (HSDV). Các chỉ tiêu hiệu quả môi trường chủ yếu dựa vào khả năng thích ứng với BĐKH của loại hình sử dụng đất. Kết quả nghiên cứu được trình bày ở bảng 4.

Kết quả cho thấy, giá trị sản xuất các loại hình sử dụng đất (LUT) đều đạt ở mức cao, đặc biệt là các LUT có trồng cà chua, hành, dưa hấu, thuốc lá, khoai tây (trừ các LUT chuyên lúa). Tuy nhiên, chi phí của hầu hết các LUT vẫn ở mức cao, vì vậy, thu nhập hỗn hợp và giá trị ngày công cao nhưng hiệu quả sử dụng đồng vốn ở các chỉ đạt ở mức trung bình.

* LUT 2 lúa:

+/ Hiệu quả: Đây là LUT có giá trị sản xuất cũng như giá trị gia tăng nhưng thu nhập hỗn hợp không cao, giá trị sản xuất (GO) chỉ đạt từ 54,21-87,15 triệu/ha, chi phí trung gian (IC) trung bình và thu nhập hỗn hợp, lãi thuần thấp (trừ khu vực trồng M6, KDDB và Nếp cái hoa vàng).

+/ Tiềm năng và thách thức: Trong điều kiện hạn chế về diện tích đất canh tác, để đáp ứng nhu cầu lương thực cho người dân và chăn nuôi tại chỗ, khả năng rủi ro thấp hơn do không phụ thuộc vào tính thời vụ, thị trường tiêu thụ, đầu tư thấp (phù hợp với hộ ít có khả năng đầu tư) nên cơ cấu LUT trồng lúa vẫn chiếm ưu thế ở huyện. Tuy nhiên, trên các chân đất thấp, nguy cơ bị xâm nhập cao nên cần phải nhạy bén tìm kiếm các giải pháp thích ứng.

* LUT 2 vụ lúa - 1 vụ rau màu:

+/ Hiệu quả: Có 3 công thức luân canh đó là: Lúa xuân-Lúa mùa-Bấp cải, Lúa xuân-Lúa mùa-Cà chua, Lúa xuân-Lúa mùa-Khoai tây. Năng suất cà chua đạt khoảng 37 tấn/ha, bắp cải 45,5 tấn/ha, khoai tây 12,5 tấn/ha. Giá trị

sản xuất (GO) đạt mức cao từ 75,58-99,87 triệu đồng/ha, thu nhập hỗn hợp (MI) và lãi thuần (NI) đạt mức từ trung bình đến cao (lãi thuần 63,43-87 triệu đồng/ha), hệ số sử dụng đồng vốn trung bình từ 1,65-1,74 lần.

+/ Tiềm năng và thách thức: Tương tự như LUT 2 vụ lúa, tiềm năng của LUT này cao do khả năng rủi ro thấp. Nhờ có 2 vụ lúa, sản phẩm thu hoạch đáp ứng được yêu cầu an ninh lương thực của địa phương. Cây rau màu vụ đông cho thu nhập hỗn hợp và lãi thuần cao nên bù đắp được thu nhập thấp từ lúa. Hơn nữa, vụ đông cũng khá ổn định, ít bị tác động của thiên tai do BĐKH.

* LUT rau, màu vụ xuân-lúa vụ mùa-rau, màu vụ đông:

+/ Hiệu quả: Các LUT này đều cho hiệu quả kinh tế, xã hội sử dụng đất cao, giá trị sản xuất (GO) đạt từ 200 - 300 triệu đ/ha, so với LUT lúa xuân - lúa mùa cao gấp 3,7-5,6 lần; chi phí trung gian (IC) cao gấp 3,5-5,4 lần, thu nhập hỗn hợp (MI) và lãi thuần (NI) cao gấp 3,8-6,5 lần so với LUT lúa xuân - lúa mùa, hệ số sử dụng đồng vốn trung bình (từ 1,53-1,59 lần). Riêng Thuốc lá - Lúa - Hành có hệ số sử dụng đồng vốn đạt mức cao.

+/ Tiềm năng và thách thức: Với các loại cây trồng đa dạng, đây là LUT mang lại nhiều sản phẩm hàng hóa, được coi là sự đột phá của nền kinh tế địa phương trong quá trình chuyển đổi sử dụng đất. Các loại hình sử dụng đất này được bố trí trên các loại đất phù sa có tầng phèn tiềm tàng, nhiễm mặn, cơ giới trung bình hoặc đất phù sa nhiễm mặn ít, cơ giới nhẹ điển hình; đất phù sa nhiễm mặn ít, cơ giới trung bình điển hình; đất phù sa nhiễm mặn nhiều, cơ giới trung bình điển hình & đất phù sa nhiễm mặn, cơ giới nhẹ điển hình... nên rủi ro gặp phải do sâu bệnh và thiên tai cao. Ngoài ra, thị trường tiêu thụ cũng là bài toán khó đòi hỏi người sản xuất phải nâng cao chất lượng sản phẩm và nghệ thuật marketing...

* Các LUT nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ:

+/ Hiệu quả: LUT nuôi trồng thủy sản nước lợ (nuôi tôm sú) và nước mặn (tôm sú và cá

vược) cho hiệu quả kinh tế sử dụng đất rất cao, giá trị sản xuất (GO) đạt từ 1.055,35 - 1.296,89 triệu đ/ha, cao gấp 19,5 - 23,9 lần so với LUT lúa xuân - lúa mùa; chi phí trung gian (IC) cao gấp 15,9 - 21,8 lần, thu nhập hỗn hợp (MI) cao gấp 24,2 - 26,8 lần và lãi thuần (NI) cao gấp 24,7 - 27,3 lần so với LUT lúa xuân - lúa mùa. Đặc biệt giá trị ngày công lao động thu được của LUT nuôi trồng thủy sản ở mức cao (112 - 125 nghìn đồng/1 ngày công) và hiệu suất đồng vốn bỏ ra từ trung bình đến mức cao.

+/ Tiềm năng và thách thức: Đây là những loại hình sử dụng đất cải tiến thích ứng với BĐKH vùng ven biển Tiên Lãng, Hải Phòng cho hiệu quả kinh tế, xã hội rất cao. Đây cũng là những LUT khai thác tốt tiềm năng tự nhiên ở vùng ven biển được các cấp chính quyền cho vay vốn và tạo điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên, thách thức của nuôi trồng thủy sản là vệ sinh môi trường và dịch bệnh. Các ao nuôi trồng thủy sản còn tạo điều kiện lan truyền sự nhiễm mặn đối với đất sản xuất nông nghiệp.

Các LUT có hiệu quả môi trường cao, thích ứng với BĐKH bao gồm: LUT 2 lúa sử dụng giống M6 và giống KDĐB; các LUT 2 lúa - 1 màu hoặc 2 màu - lúa vụ mùa sử dụng các giống lúa M6, KDĐB, thuốc lào, hành tỏi, khoai tây, dưa chuột; đặc biệt LUT nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước lợ vừa cho hiệu quả kinh tế, xã hội cao, thích hợp với những vùng bị xâm nhập mặn do BĐKH.

3.4. Định hướng sử dụng đất nông nghiệp đối với các loại hình sử dụng đất có triển vọng

Căn cứ vào các nguyên tắc sử dụng đất bền vững của FAO, hướng dẫn lập kế hoạch sử dụng đất thích ứng với BĐKH (Bộ NN&PTNT, 2011, 2012) và thực tế tại địa phương, các loại hình sử dụng đất được lựa chọn đối với huyện Tiên Lãng:

Giữ ổn định diện tích đất lúa nước, duy trì diện tích trồng lúa cả năm ở mức 16.000 - 16.200ha, đạt 75 - 77% diện tích gieo trồng phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tới 2020, cũng như phù hợp với xu thế biến động đất lúa trong thời gian qua do BĐKH mà vẫn đảm bảo ổn định sản lượng lúa trên 90.000 tấn/năm.

Ưu tiên lựa chọn các loại hình sử dụng đất trồng rau màu có hiệu quả cao như các LUT có cây khoai tây, thuốc lào, dưa hấu, hành tỏi, cà chua, dưa chuột xuất khẩu. Trong đó ưu tiên kiểu sử dụng đất có khoai tây vì hiện có đầu ra, có hợp đồng bao tiêu sản phẩm của các công ty nên có thể mở rộng thêm diện tích lên tới 800ha (khoảng 4% diện tích gieo trồng) vào 2015 và tăng lên 1.000ha (khoảng 5% diện tích gieo trồng) vào năm 2020 (như nghị quyết UBND huyện năm 2011). Ngoài ra, giữ vững diện tích LUT có cây thuốc lào là sản phẩm có thương hiệu và thị trường truyền thống của huyện, thích hợp với loại đất bị nhiễm phèn, mặn, khoảng 6 - 7% diện tích gieo trồng cả năm.

Cải tiến các loại hình sử dụng đất trồng trọt kém hiệu quả, chuyển sang nuôi trồng thủy sản nước lợ và nước mặn để tăng hiệu quả kinh tế và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, tạo công ăn việc làm cho nông dân. Tuy nhiên, huyện Tiên Lãng cần khuyến khích chọn lựa các loại thủy hải sản có tiềm năng phát triển thích hợp với tình trạng BĐKH.

Cần phải tích cực đưa thêm các giống lúa, giống cây rau màu chịu phèn, mặn, thích ứng với điều kiện bị tác động của BĐKH ở vùng ven biển.

4. KẾT LUẬN

Tiên Lãng là một huyện ven biển thuộc thành phố Hải Phòng có nhiều tiềm năng đất sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên trong bối cảnh chịu tác động của BĐKH, những năm vừa qua chính quyền và người dân đã tích cực chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp, giai đoạn 2008 - 2013 diện tích đất lúa nước trong huyện giảm 467,34ha do năng suất không ổn định trong khi diện tích trồng cây màu và nuôi trồng thủy sản liên tục tăng lên (trong đó diện tích NTTS tăng 1163,88ha). Các loại cây trồng, vật nuôi cho hiệu quả kinh tế, xã hội cao và thích ứng với BĐKH như thuốc lào, khoai tây, hành, cà chua, dưa hấu, ớt và nuôi trồng thủy sản tuy diện tích còn chiếm tỷ trọng thấp (23,31%) trong cơ cấu cây trồng nhưng đã trở thành những vùng sản xuất tập trung.

Kết quả đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội các loại hình sử dụng đất năm 2013 cho thấy, giá trị sản xuất (GO), thu nhập hỗn hợp (MI), lãi thuần (NI) hay giá trị ngày công lao động và hiệu suất đồng vốn của các LUT trồng màu hoặc lúa - màu có sử dụng các giống lúa M6 và KDDB, cây thuốc Lào, cà chua, hành tỏi, dưa hấu, khoai tây và các LUT nuôi trồng thủy sản đều rất cao. Đặc biệt, NTTS nước lợ (nuôi tôm sú) và nước mặn (tôm sú và cá vược) cho giá trị sản xuất (GO) đạt từ 1.055,35 - 1.296,89 triệu đ/ha, lãi thuần (NI) cao gấp 24,7 - 27,3 lần so với LUT lúa xuân - lúa mùa, giá trị ngày công lao động thu được là 112 - 125 nghìn đồng và hiệu suất đồng vốn bỏ ra từ trung bình đến mức cao.

Trong thời gian tới, huyện cần tiếp tục kiểm soát chặt chẽ biến động đất lúa, ưu tiên mở rộng diện tích các loại cây trồng như khoai tây, thuốc Lào và nuôi trồng thủy sản để nâng cao hiệu quả kinh tế và thích ứng với biến đổi khí hậu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT (2011). Kế hoạch hành động ứng phó với BĐKH của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2050 và một số văn bản liên quan. Cục xuất bản, QĐ699 - 2011-CXB13-35/DT ngày 17/8/2011.
- Bộ NN&PTNT (MARD, 2011). Tích hợp BĐKH vào xây dựng, thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án phát triển nông nghiệp giai đoạn 2011-2015.
- Bộ NN&PTNT (2012). Quyết định phê duyệt đề án phát triển ngành trồng trọt đến 2020 và tầm nhìn đến 2030. Số 824/QĐ-BNN-TT, ngày 16/4, Hà Nội.
- Nguyễn Bá Long, Đoàn Văn Điềm, Nguyễn Ích Tân và cs., (2013). Kết quả nghiên cứu phân loại và đặc điểm chất lượng đất nông nghiệp tại huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo phương pháp FAO-UNESCO-WRB. Tạp chí NN&PTNT, 221: 42-50.
- Phòng Tài nguyên và Môi trường (2013). Báo cáo công tác quản lý đất đai huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. UBND huyện Tiên Lãng.
- UBND huyện Tiên Lãng (2013). Niên giám thống kê huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng từ năm 2008-2013.
- Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng (2011). Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết của Ban thường vụ Huyện ủy (khóa 26).